

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH VĨNH LONG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ánh Dương

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Thuận

Ông Trương Văn Ánh

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Kim Hồ là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: Ông Nguyễn Hoàng Danh – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05A/2025/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Cẩm T, sinh năm 2000 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Út H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2024 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, chị Dương Thị Cẩm T trình bày:

Vào năm 2017 chị và anh Bùi Văn Út H do quen biết nhau, tiến đến hôn nhân, được gia đình đôi bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới vào năm 2017. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/6/2018.

Thời gian chung sống hạnh phúc được 02 năm, nên đã có với nhau 01 đứa con chung tên Bùi Quốc H1 sinh ngày 13/9/2017, hiện đang sống với anh H.

Quá trình chung sống chồng chị có tạo ra tài sản chung, nợ chung, cũng không ao nợ vợ chồng anh chị.

Tình trạng hôn nhân: trong cuộc sống vợ chồng vì bất đồng quan điểm chung, thường xuyên cãi vã, vì vậy nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, càng níu kéo, cả hai càng đau khổ. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những sự việc nêu trên, nên nay chị khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: xin ly hôn với anh Bùi Văn Út H

Về con chung: Bùi Quốc H1, sinh ngày 13/9/2017 chị đồng ý cho anh Bùi Văn Út H nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không có, không tranh chấp, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2025 cháu Bùi Quốc H1 trình bày: cháu đang học lớp 02, hiện đang sống với cha H, cha mẹ ly hôn con xin ở với cha H.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Bùi Văn Út H nhưng hết thời gian thông báo đương sự không cung cấp văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên hòa giải cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin vắng mặt

Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã triệu tập đến lần thứ hai.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho chị Dương Thị Cẩm T được ly hôn anh Bùi Văn Út H, về con chung cháu Bùi Quốc H1 có nguyện vọng được ở với anh H, chị T đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, giao cháu Bùi Quốc H1 sinh ngày 13/9/2017 cho anh Bùi Văn Út H nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: chị T xác định là không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Dương Thị Cẩm T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn Út H; về con chung có 01 người con chung, về tài sản chung, nợ chung chị T không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết là tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Bùi Văn Út H có nơi cư trú tại huyện B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân không phải tiến hành thu thập chứng cứ; các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về hôn nhân: Xét chị Dương Thị Cẩm T và anh Bùi Văn Út H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chị Dương Thị Cẩm T và anh Bùi Văn Út H bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Xét anh chị không còn đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cuộc sống gia đình giữa chị Dương Thị Cẩm T và anh Bùi Văn Út H không hạnh phúc, anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị Dương Thị Cẩm T không còn mong muốn cùng anh N xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Với những mâu thuẫn vợ chồng như chị đã trình bày nếu kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân sẽ càng thêm trầm trọng thêm sự ức chế hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc hôn nhân này không thể kéo dài.

Xét yêu cầu của chị Dương Thị Cẩm T xin ly hôn với anh Bùi Văn Út H là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Cẩm T được ly hôn với anh Bùi Văn Út H.

[3.2] Về con chung: có một con chung là Bùi Quốc H1 sinh ngày 13/9/2017, hiện đang sống với anh Bùi Văn Út H, cháu Quốc H1 có nguyện vọng được sống cùng anh H. Xét thấy hiện cháu Bùi Quốc H1 có cuộc sống ổn định nên việc chị T yêu cầu giao cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Dương Thị Cẩm T phải chịu theo quy định của pháp luật

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 21 và Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Cẩm T được ly hôn với anh Bùi Văn Út Hậu

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quốc H1 sinh ngày 13/9/2017 cho anh Bùi Văn Út H nuôi dưỡng, chị Dương Thị Cẩm T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Dương Thị Cẩm T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0000187 ngày 06/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

( Đã ký )

**Nguyễn Ánh Dương**